

# PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ AN NINH CON NGƯỜI CỦA PHẠM NHÂN VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

NGUYỄN ĐỨC HOÀ \*

**Tóm tắt:** Trong những thập kỉ qua, Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế đã ban hành nhiều văn bản pháp lí tạo cơ sở quan trọng để các quốc gia tiến hành “nội luật hoá” nhằm thúc đẩy an ninh con người của phạm nhân trên tất cả các phương diện. Mặc dù Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan tới an ninh con người của phạm nhân song vẫn còn một số nội dung chưa tương thích với pháp luật quốc tế. Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lí luận về an ninh con người, pháp luật về an ninh con người của phạm nhân, bài viết phân tích những nội dung cơ bản của pháp luật quốc tế về an ninh con người của phạm nhân và đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện lĩnh vực pháp luật này ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khoá:** An ninh con người; phạm nhân; pháp luật quốc tế

Nhận bài: 12/9/2019

Hoàn thành biên tập: 12/3/2020

Duyệt đăng: 02/4/2020

## INTERNATIONAL LAW ON HUMAN SECURITY OF PRISONERS AND SOME RECOMMENDATIONS FOR VIETNAM

**Abstract:** Over the past decades, the United Nations and other international organizations have enacted various legal instruments, establishing the important basis for the internalisation by the states to promote human security of prisoners in all aspects. Although Vietnam has made much effort to develop legal normative documents related to human security of prisoners, some of their contents still remain incompatible with international law. On the basis of researching theoretical issues of human security and the law on human security of prisoners, the paper offers an analysis of the main contents of international law on human security of prisoners and some recommendations for improving the law of Vietnam in this regard at present.

**Keywords:** Human security; prisoner; international law

Received: Sept 12<sup>th</sup>, 2019; Editing completed: Mar 12<sup>th</sup>, 2020; Accepted for publication: Apr 2<sup>nd</sup>, 2020

### 1. Khái niệm an ninh con người và pháp luật về an ninh con người của phạm nhân

Trong bối cảnh xuất hiện ngày càng nhiều những mối đe dọa đối với sự an toàn của mỗi cá nhân con người trên phạm vi toàn cầu, việc tăng cường an ninh con người là một trong những mối quan tâm hàng đầu của

Liên hợp quốc (LHQ) và các tổ chức quốc tế. Cho đến nay, đã có nhiều định nghĩa xung quanh khái niệm an ninh con người song định nghĩa an ninh con người trong Báo cáo phát triển con người năm 1994 của Chương trình phát triển LHQ (UNDP) được nhiều học giả tán thành. Theo đó, an ninh con người được UNDP định nghĩa là “sự an toàn của con người trước các mối đe dọa

\* Thạc sĩ, Học viện cảnh sát nhân dân  
E-mail: ndhoa@moct.edu.vn

*kinh niên như nghèo đói, bệnh tật, đàn áp và những sự cố bất ngờ, gây tổn thương trong cuộc sống hàng ngày, dù ở trong nhà, ở nơi làm việc hay trong cộng đồng”.*<sup>(1)</sup> Theo UNDP, khái niệm an ninh con người bao gồm 7 yếu tố cấu thành: 1) an ninh kinh tế; 2) an ninh lương thực; 3) an ninh sức khoẻ; 4) an ninh môi trường; 5) an ninh cá nhân; 6) an ninh cộng đồng và 7) an ninh chính trị. Các yếu tố này không tồn tại tách rời riêng rẽ mà chúng luôn phụ thuộc vào nhau trong một thể thống nhất. Định nghĩa về an ninh con người của UNDP là một tư duy mới và nếu chúng được nhận thức đúng đắn và hành động đầy đủ sẽ mang lại những hiệu quả thiết thực đối với mỗi quốc gia, dân tộc và cộng đồng xã hội.

An ninh con người có thể được tiếp cận theo từng nhóm chủ thể xã hội. Theo đó, có thể đề cập an ninh con người của học sinh, an ninh con người của người khuyết tật, an ninh con người của người lao động di trú, an ninh con người của người nước ngoài, an ninh con người của phạm nhân...

Cho đến nay, tuy vẫn còn những cách hiểu khác nhau song khái niệm phạm nhân được đề cập trong Luật thi hành án hình sự (THAHS) năm 2019 mang tính khoa học cao. Theo đó, khái niệm phạm nhân được hiểu là “*người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, tù chung thân*” (khoản 2 Điều 3).<sup>(2)</sup>

Một người được xác định là phạm nhân kể từ khi họ được đưa đến trại giam, cơ sở giam giữ khác (sau đây gọi tắt là trại giam) để chấp hành bản án hoặc quyết định áp dụng hình phạt tù của toà án. Những người tuy đã bị toà án ra quyết định hoặc bản án phạt tù nhưng quyết định hoặc bản án đó chưa có hiệu lực pháp luật, thậm chí cả trường hợp bản án phạt tù đã có hiệu lực pháp luật nhưng người bị kết án phạt tù đang chờ quyết định đưa đi chấp hành án thì không gọi là phạm nhân. Chỉ người nào phạm tội, bị áp dụng hình phạt tù khi bản án, quyết định áp dụng hình phạt tù của toà án đã có hiệu lực pháp luật và đang chấp hành án phạt tù thì mới gọi là phạm nhân.

An ninh con người của phạm nhân xuất phát từ chính phẩm giá của mỗi con người, chúng chứa đựng những sự an toàn, không bị đe dọa đối với tính mạng, thân thể, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của phạm nhân trong quá trình chấp hành án phạt tù. Mặc dù phạm nhân là người có tội và phải chịu trách nhiệm pháp lí nghiêm khắc nhất là trách nhiệm hình sự nhưng sự an toàn về tính mạng, thân thể, sức khoẻ, nhân phẩm cũng như việc được duy trì các mối quan hệ cộng đồng thiết yếu của phạm nhân vẫn phải được bảo đảm. Hơn nữa, mục đích của việc đưa người phạm tội vào giam giữ trong trại giam là để bảo vệ xã hội khỏi tội phạm, đồng thời

(1). United Nations Development Program: *Human Development Report 1994*, [https://www.un-ilibrary.org/economic-and-social-development/human-development-report-1994\\_87e94501-en](https://www.un-ilibrary.org/economic-and-social-development/human-development-report-1994_87e94501-en), truy cập 01/9/2019.

(2). Xin lưu ý thêm: Trong các văn bản pháp lí quốc

tế (như: Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân năm 1955; Những nguyên tắc cơ bản trong việc đối xử với tù nhân năm 1990...) thường sử dụng khái niệm “tù nhân” hoặc “người bị cầm tù” thay vì khái niệm phạm nhân.

trong quá trình giam giữ, lực lượng chức năng sẽ sử dụng các biện pháp giáo dục cải tạo để tác động tư tưởng, điều chỉnh hành vi của người phạm tội cho phù hợp với chuẩn mực xã hội, làm cho họ nhận ra lỗi lầm của mình, ăn năn, hối cải, hoàn lương, phục thiện để trở thành người có ích cho xã hội.

Như vậy, có thể hiểu, an ninh con người của phạm nhân là sự an toàn về tính mạng, sức khoẻ thể chất, tinh thần cũng như việc duy trì các mối quan hệ cơ bản, thiết yếu của phạm nhân trong quá trình chấp hành án phạt tù tại trại giam, tạo điều kiện để họ tái hoà nhập xã hội sau khi chấp hành xong án phạt tù. An ninh con người của phạm nhân bao gồm bảy yếu tố cấu thành như khái niệm an ninh con người tương ứng với chủ thể phạm nhân.

Sở dĩ phải bảo đảm an ninh con người của phạm nhân bởi các lí do sau đây:

*Một là* xuất phát từ nhân phẩm - yếu tố được coi là giá trị chung và cao quý nhất của con người. Cho dù phạm nhân là người đã thực hiện hành vi phạm tội, gây hậu quả xấu đối với xã hội và đang phải chịu hình phạt tù thì họ vẫn là con người. Với tư cách là con người, phạm nhân cần được thụ hưởng các nhu cầu thiết yếu của mình.

*Hai là* trong điều kiện bị tước tự do, phạm nhân không thể tự thoả mãn các nhu cầu tối thiểu về ăn, ở, mặc, khám chữa bệnh... của cá nhân mình, họ hoàn toàn bị lệ thuộc và trông chờ vào sự đáp ứng từ phía nhà nước.

*Ba là* dưới góc độ quản lí thi hành án phạt tù, phạm nhân là người chịu sự quản lí,

còn chủ thể quản lí là cơ quan thi hành án phạt tù và cán bộ trại giam: "*Đây là quan hệ ra lệnh - phục tùng, không đồng cấp và có tính bắt buộc*".<sup>(3)</sup> Trong thực thi nhiệm vụ, nếu đội ngũ cán bộ trại giam tận tâm, tận tụy thì đó là điều kiện tốt đối với an ninh con người của phạm nhân song nếu đội ngũ này thờ ơ, thiếu trách nhiệm, lạm quyền thì sẽ gây nguy hại tới an ninh con người của phạm nhân.

*Bốn là* phạm nhân là những người đã gây ra hậu quả xấu đối với xã hội và do đó họ thường phải nhận sự xa lánh, kì thị của xã hội. Thật không dễ dàng có thể kêu gọi sự giúp đỡ của cộng đồng xã hội đối với phạm nhân, vấn đề bảo đảm các nhu cầu thiết yếu của phạm nhân hoàn toàn trông chờ vào nhà nước.

*Năm là* môi trường trại giam là môi trường phức tạp, gồm những con người đã từng phạm tội, thậm chí tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Ở đó hiện hữu những nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp và tác động tiêu cực tới an ninh con người của phạm nhân.

*Sáu là* trong các xã hội văn minh hiện đại thì việc thi hành án phạt tù đối với những người phạm tội không phải chỉ là trừng trị mà chủ yếu là giáo dục, cải tạo để họ trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội. Vì thế, việc bảo đảm an ninh con người của phạm nhân có ý nghĩa thực tiễn trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần giảm tỉ lệ tái phạm và phạm tội mới.

(3). Học viện cảnh sát nhân dân, *Giáo trình môn học quản lí nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội*, Hà Nội, 2010, tr. 10.

Bây là bảo đảm quyền con người và an ninh con người đã được cộng đồng quốc tế thừa nhận và coi đó là cơ sở cho tự do, công bằng và hoà bình trên toàn thế giới. Mỗi quốc gia phải có trách nhiệm bảo đảm an ninh con người nói chung, an ninh con người của phạm nhân nói riêng.

An ninh con người của phạm nhân chỉ được bảo đảm khi hình thành được cơ chế pháp lí để nó không bị xâm hại và trong trường hợp có vi phạm sẽ bị phát hiện kịp thời, xử lí nghiêm minh cũng như lực lượng chức năng tổ chức thực hiện các nội dung nhằm bảo đảm sự an toàn cho phạm nhân. Nói như vậy có nghĩa là việc bảo đảm an ninh con người của phạm nhân không thể thiếu pháp luật về an ninh con người của phạm nhân.

Pháp luật về an ninh con người của phạm nhân là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động thi hành án phạt tù nhằm bảo đảm an toàn cho phạm nhân trong quá trình chấp hành án phạt tù tại trại giam, đồng thời tạo điều kiện cho họ tái hoà nhập xã hội sau khi chấp hành xong án phạt tù. Pháp luật về an ninh con người của phạm nhân quy định trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm an ninh con người của phạm nhân song mặt khác nó cũng thể hiện sự giới hạn nhất định trong việc đáp ứng các nhu cầu thiết yếu cho phạm nhân từ phía nhà nước.

## **2. Những nội dung cơ bản của pháp luật quốc tế về an ninh con người của phạm nhân**

Như đã đề cập, bị bao hàm trong khái niệm an ninh con người, khái niệm an ninh

con người của phạm nhân bao gồm 7 yếu tố cấu thành. Nghiên cứu các văn kiện pháp lí quốc tế như: Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân năm 1955; Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam hay bị cầm tù dưới bất kì hình thức nào năm 1988; Những nguyên tắc cơ bản trong việc đối xử với tù nhân năm 1990; Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm năm 1984; Những quy tắc của LHQ trong việc đối xử đối với tù nhân nữ và các biện pháp không giam giữ đối với nữ tội phạm năm 2010... cho thấy chúng chứa đựng những nội dung cơ bản trong các yếu tố cấu thành an ninh con người của phạm nhân như sau:

*Một là các quy định về an ninh kinh tế*

Các quy định về an ninh kinh tế tạo cơ sở cho việc tổ chức các hoạt động kinh tế hoặc có liên quan đến kinh tế của phạm nhân trong quá trình chấp hành án phạt tù tại trại giam hướng tới việc tạo việc làm cho họ sau khi chấp hành xong án phạt tù. Nội dung của các quy định về an ninh kinh tế của phạm nhân phải hàm chứa những khía cạnh về tổ chức cho phạm nhân lao động sản xuất, dạy nghề và bảo đảm sự an toàn về tài sản của phạm nhân trong quá trình chấp hành án phạt tù tại trại giam.

Theo pháp luật quốc tế, trừ những trường hợp không thể lao động do yếu tố sức khoẻ thể chất và tâm thần thì mọi phạm nhân đang chấp hành án đều phải lao động (Khoản b Điều 71 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân năm 1955 (sau đây gọi là

Bây là bảo đảm quyền con người và an ninh con người đã được cộng đồng quốc tế thừa nhận và coi đó là cơ sở cho tự do, công bằng và hoà bình trên toàn thế giới. Mỗi quốc gia phải có trách nhiệm bảo đảm an ninh con người nói chung, an ninh con người của phạm nhân nói riêng.

An ninh con người của phạm nhân chỉ được bảo đảm khi hình thành được cơ chế pháp lý để nó không bị xâm hại và trong trường hợp có vi phạm sẽ bị phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh cũng như lực lượng chức năng tổ chức thực hiện các nội dung nhằm bảo đảm sự an toàn cho phạm nhân. Nói như vậy có nghĩa là việc bảo đảm an ninh con người của phạm nhân không thể thiếu pháp luật về an ninh con người của phạm nhân.

Pháp luật về an ninh con người của phạm nhân là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động thi hành án phạt tù nhằm bảo đảm an toàn cho phạm nhân trong quá trình chấp hành án phạt tù tại trại giam, đồng thời tạo điều kiện cho họ tái hoà nhập xã hội sau khi chấp hành xong án phạt tù. Pháp luật về an ninh con người của phạm nhân quy định trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm an ninh con người của phạm nhân song mặt khác nó cũng thể hiện sự giới hạn nhất định trong việc đáp ứng các nhu cầu thiết yếu cho phạm nhân từ phía nhà nước.

## **2. Những nội dung cơ bản của pháp luật quốc tế về an ninh con người của phạm nhân**

Như đã đề cập, bị bao hàm trong khái niệm an ninh con người, khái niệm an ninh

con người của phạm nhân bao gồm 7 yếu tố cấu thành. Nghiên cứu các văn kiện pháp lý quốc tế như: Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân năm 1955; Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam hay bị cầm tù dưới bất kì hình thức nào năm 1988; Những nguyên tắc cơ bản trong việc đối xử với tù nhân năm 1990; Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm năm 1984; Những quy tắc của LHQ trong việc đối xử đối với tù nhân nữ và các biện pháp không giam giữ đối với nữ tội phạm năm 2010... cho thấy chúng chứa đựng những nội dung cơ bản trong các yếu tố cấu thành an ninh con người của phạm nhân như sau:

### *Một là các quy định về an ninh kinh tế*

Các quy định về an ninh kinh tế tạo cơ sở cho việc tổ chức các hoạt động kinh tế hoặc có liên quan đến kinh tế của phạm nhân trong quá trình chấp hành án phạt tù tại trại giam hướng tới việc tạo việc làm cho họ sau khi chấp hành xong án phạt tù. Nội dung của các quy định về an ninh kinh tế của phạm nhân phải hàm chứa những khía cạnh về tổ chức cho phạm nhân lao động sản xuất, dạy nghề và bảo đảm sự an toàn về tài sản của phạm nhân trong quá trình chấp hành án phạt tù tại trại giam.

Theo pháp luật quốc tế, trừ những trường hợp không thể lao động do yếu tố sức khoẻ thể chất và tâm thần thì mọi phạm nhân đang chấp hành án đều phải lao động (khoản b Điều 71 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân năm 1955 (sau đây gọi tắt

là Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955) và Điều 8 Những nguyên tắc cơ bản trong việc đối xử với tù nhân năm 1990 (sau đây gọi tắt là Những nguyên tắc cơ bản năm 1990)). Quy định này được ban hành nhằm tạo thói quen lao động cho phạm nhân đồng thời giúp phạm nhân tái hoà nhập thị trường lao động của đất nước sau khi mãn hạn tù. Do đó, trách nhiệm của nhà tù và các cơ quan nhà nước là phải tạo ra *“đủ lượng công việc hữu ích để giữ tù nhân làm việc tích cực trong một ngày lao động bình thường”* (khoản c Điều 71 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955).

Tuy vậy, pháp luật quốc tế yêu cầu lao động nhà tù không được mang tính chất khổ sai, số giờ làm việc tối đa hằng ngày và hằng tuần của phạm nhân phải được ấn định bởi pháp luật hoặc các quy định hành chính, có tính đến tập quán địa phương liên quan tới việc sử dụng lao động tự do. Trong đó, mỗi tuần phải có ít nhất một ngày nghỉ và có đủ thời gian dành cho giáo dục và những hoạt động cần thiết khác với tư cách là một phần trong việc đối xử với phạm nhân và việc tái hoà nhập xã hội của họ.

Tuân thủ nguyên tắc công bằng cũng như để kích thích phạm nhân tham gia lao động sản xuất, pháp luật quốc tế quy định phải có chế độ trả công thoả đáng đối với công việc của phạm nhân; phạm nhân phải được phép sử dụng ít nhất một phần thu nhập của họ để mua những vật dụng được chấp thuận để họ sử dụng riêng và để gửi một phần thu nhập của họ cho gia đình; nhà tù phải tạo điều kiện để phạm nhân có thể thực hiện các công

việc hữu ích có thu nhập và phải dành một phần trong thu nhập để thành lập quỹ tiết kiệm và sẽ được trao cho phạm nhân khi họ mãn hạn tù (Điều 76 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955 và Điều 8 Những nguyên tắc cơ bản năm 1990).

Đối với việc dạy nghề cho phạm nhân, theo quy định của pháp luật quốc tế, trong các chương trình giáo dục phạm nhân nhất thiết phải có nội dung đào tạo nghề để phạm nhân có thể kiếm sống bằng nghề đó, đặc biệt là cho những phạm nhân trẻ tuổi. Pháp luật quốc tế đặt ra yêu cầu nghề nghiệp mà phạm nhân được học *“phải không được sử dụng vào mục đích kiếm lợi cho một ngành công nghiệp trong nhà tù”* (khoản b Điều 72 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955) mà trong phạm vi cho phép, công việc được cung cấp phải nhằm duy trì hoặc làm tăng khả năng phạm nhân có thể kiếm sống một cách trung thực sau khi được thả. Đồng thời, cách tổ chức và những phương pháp làm việc trong nhà tù phải có sự tương đồng với các công việc tương tự ngoài nhà tù, để chuẩn bị cho phạm nhân những điều kiện của cuộc sống có nghề nghiệp sau khi mãn hạn tù.

Quyền sở hữu cá nhân đã được ghi nhận trong Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm 1948 của LHQ: *“Mọi người đều có quyền sở hữu tài sản của riêng mình hoặc tài sản sở hữu chung với người khác; không ai bị tước đoạt tài sản một cách tùy tiện”* (Điều 17). Tôn trọng nguyên tắc này, các văn kiện pháp lí quốc tế về an ninh con người của phạm nhân đã có những quy định cụ thể về sở hữu tài sản của phạm nhân, trong đó đáng

chú ý là các quy định tại Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955 như: Tất cả tiền mặt, đồ vật quý, quần áo và những tài sản cá nhân khác thuộc về phạm nhân mà theo quy định của nhà tù không được phép giữ khi vào tù, thì phải được gửi lưu kí ở nơi an toàn. Danh mục lưu kí phải được phạm nhân kí nhận (khoản a Điều 43); phạm nhân được nhận tiền hay tài sản cá nhân từ bên ngoài gửi vào cho mình, số tiền hay tài sản này cũng phải được xử lí theo cách thức nói trên (khoản c Điều 43). Ngoài ra, pháp luật quốc tế yêu cầu trong chứng mục tối đa phù hợp với pháp luật và bản án, cần bảo vệ những quyền liên quan đến các lợi ích dân sự, quyền bảo hiểm xã hội và các phúc lợi xã hội khác của phạm nhân.

Như vậy, các quy định về an ninh kinh tế của phạm nhân được ban hành nhằm mục đích tạo điều kiện cho phạm nhân tham gia các hoạt động kinh tế trong quá trình chấp hành án phạt tù và giúp cho phạm nhân có một nghề để có thể tìm được việc làm sau khi mãn hạn tù, ổn định cuộc sống, tránh tái phạm sau này.

*Hai là các quy định về an ninh lương thực*

Con người là một cơ thể sống, do đó, lương thực, thực phẩm là nhu cầu đặc biệt quan trọng và cần thiết. Thiếu dinh dưỡng sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe, làm cho con người ốm yếu, phát sinh bệnh tật hoặc làm cho bệnh tật thêm trầm trọng. Đối với phạm nhân, vấn đề an ninh lương thực càng trở nên quan trọng do họ bị mất tự do, phải chịu sự quản lí giam giữ, nhu cầu về lương thực, thực phẩm của họ hoàn toàn bị lệ thuộc vào

sự đáp ứng từ phía nhà nước. Các quy định về an ninh lương thực của phạm nhân phải bao hàm việc nhà nước cung cấp đầy đủ và miễn phí lương thực, thực phẩm cho phạm nhân theo tiêu chuẩn tối thiểu chung phù hợp với từng nhóm đối tượng phạm nhân cả về định lượng và dưỡng chất.

Pháp luật quốc tế quy định, vào thời gian nhất định, mỗi phạm nhân phải được cung cấp những thức ăn đủ dinh dưỡng để đảm bảo sức khoẻ và thể lực (khoản a Điều 20 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955). Các quy định của pháp luật quốc tế đã đề cập số lượng, định lượng, chất lượng dinh dưỡng cũng như vấn đề bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm cho phạm nhân. Ngoài ra, pháp luật quốc tế khuyến nghị các trại giam cũng nên áp dụng các nội dung được quy định tại Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966 trong việc tổ chức trồng trọt và sản xuất nông nghiệp nhằm cung cấp đủ lương thực, thực phẩm cho phạm nhân.

*Ba là các quy định về an ninh sức khoẻ*

Khi bị vào tù, nhiều phạm nhân thường mang theo những vấn đề nghiêm trọng về sức khoẻ như nghiện ma tuý, các bệnh tật chưa được chữa trị, các thói quen xấu có hại cho sức khoẻ được hình thành trong cuộc sống trước khi vào tù.<sup>(4)</sup> Hơn nữa, trong trại giam, phạm nhân phải đối mặt với nhiều vấn đề có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khoẻ, chẳng hạn như việc bị lây nhiễm

(4). Andrew Coyle, *Nhân quyền trong công tác quản lí trại giam*, Học viện cảnh sát nhân dân dịch và hiệu đính, 2007, tr. 97.

bệnh từ những phạm nhân ở cùng phòng hay cùng trại giam. Trong các yếu tố ảnh hưởng tới sức khoẻ của phạm nhân, pháp luật quốc tế chú ý đến các vấn đề về điều kiện giam giữ; điều kiện vệ sinh cá nhân; chỗ ngủ; việc tập thể dục và các hoạt động thể chất; quần áo, trang phục và chăm sóc y tế đối với phạm nhân...

Về điều kiện giam giữ phạm nhân, pháp luật quốc tế cho rằng, cần phải giới hạn số lượng phạm nhân nhất định trong mỗi trại giam sao cho không có quá nhiều cũng như không có quá ít phạm nhân. Theo Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955, số lượng phạm nhân trong các nhà tù kín không được nhiều đến mức làm cản trở việc đối xử cho phù hợp với từng phạm nhân, số phạm nhân trong những nhà tù như vậy không vượt quá 500 người, còn ở những nhà tù mở thì phải ít hơn số đó (khoản c Điều 63). Mặt khác, cũng không nên duy trì những nhà tù quá nhỏ đến mức không được cung cấp đủ cơ sở vật chất (khoản d Điều 63).

Tuy không đề cập những vấn đề cụ thể về diện tích phòng giam bình quân trên một đầu người hay việc một phòng giam phải có tối thiểu bao nhiêu cửa sổ, chiều cao của trần nhà, diện tích cửa sổ, diện tích cửa chính nhưng pháp luật quốc tế đặt ra những quy định có tính nguyên tắc là điều kiện giam giữ phải bảo đảm sức khoẻ và các hoạt động sinh hoạt của phạm nhân, như: Nơi ăn, ở cho phạm nhân và đặc biệt là nơi ngủ phải đáp ứng được các yêu cầu về y tế, có chú ý đúng mức đến các điều kiện khí hậu và đặc biệt là các điều kiện về dung tích không khí, diện

tích sàn tối thiểu, ánh sáng, sự ẩm và thông hơi; cửa sổ phải đủ lớn để phạm nhân có thể đọc hoặc lao động được dưới ánh sáng tự nhiên, phải được thiết kế sao cho không khí trong lành có thể vào được...

Ngoài ra, theo quy định của pháp luật quốc tế, ở nơi nào mà chỗ ngủ là buồng hoặc phòng cá nhân thì vào buổi tối, mỗi phạm nhân phải được ở trong một buồng hay phòng của chính người đó, ngoại trừ những lý do đặc biệt như tạm thời có quá đông phạm nhân. Pháp luật quốc tế khuyến nghị không nên có hai phạm nhân trong một phòng hay một buồng (khoản a Điều 9 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955).

Về điều kiện vệ sinh cá nhân của phạm nhân, do có quy định giới hạn về số lượng phạm nhân trong mỗi trại giam và mỗi phòng giam cho nên pháp luật quốc tế không đề cập việc cần có bao nhiêu phòng vệ sinh cho một số lượng phạm nhân nhất định mà đặt ra tiêu chuẩn: khu vệ sinh phải thoả đáng để mọi phạm nhân có thể đáp ứng được nhu cầu tự nhiên khi cần thiết và phải sạch sẽ, có đủ các vật dụng cần thiết; chỗ tắm cho mỗi phạm nhân phải ở nhiệt độ phù hợp với khí hậu, ở mức thường xuyên cần thiết cho việc giữ vệ sinh chung tuỳ theo mùa và vùng địa lý nhưng phải tắm ít nhất một tuần một lần trong điều kiện khí hậu ôn hoà; tất cả những bộ phận của nhà tù thường xuyên có phạm nhân phải luôn sạch sẽ (các điều 12, 13, 14 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955).

Đáng chú ý, pháp luật quốc tế quan tâm tới việc cung cấp các vật dụng phục vụ cho nhu cầu vệ sinh cá nhân để phạm nhân giữ



gìn sức khoẻ và sự sạch sẽ, thậm chí phải cung cấp những vật dụng để phạm nhân chăm sóc râu và tóc một cách thích hợp, phạm nhân nam phải được thường xuyên cạo râu (Điều 15, 16 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955).

Có một giấc ngủ tốt là yếu tố quan trọng đối với sức khoẻ của mỗi người. Về vấn đề này, pháp luật quốc tế yêu cầu tuân theo tiêu chuẩn quốc gia hay địa phương mà mọi phạm nhân phải được cung cấp một giường riêng, có chăn đệm riêng và đủ dùng, đã được giặt sạch khi phát, được cất giữ tốt và thay đổi thường xuyên nhằm bảo đảm sạch sẽ (Điều 19 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955).

Về tập thể dục và các hoạt động thể chất của phạm nhân, pháp luật quốc tế quy định, đối với mọi phạm nhân không tham gia lao động bên ngoài thì phải có ít nhất một giờ tập thể dục thích hợp ở ngoài trời hàng ngày nếu thời tiết cho phép; mỗi trại giam phải có đủ không gian và các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho việc tập thể dục và các hoạt động rèn luyện thể chất của phạm nhân (Điều 21 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955).

Về quần áo và trang phục của phạm nhân, pháp luật quốc tế đặt ra yêu cầu bắt buộc trong việc cung cấp quần áo vừa với người, phù hợp với khí hậu và đủ để giữ sức khoẻ cho phạm nhân. Không chỉ vậy, quần áo cung cấp cho phạm nhân phải sạch sẽ, hợp vệ sinh hoặc cấp cho phạm nhân những phương tiện giặt giũ để phạm nhân tự bảo đảm sự sạch sẽ, vệ sinh và được cất giữ trong điều kiện phù hợp.

Để chăm sóc sức khoẻ cho phạm nhân, pháp luật quốc tế quy định mỗi nhà tù phải có cán bộ y tế và các trang thiết bị y tế cần thiết. Theo Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955, tại mỗi nhà tù phải có ít nhất một cán bộ y tế có đủ trình độ, có một số kiến thức về tâm sinh lí (khoản a Điều 22). Tuy nhiên, số lượng cán bộ y tế được đề cập ở đây tương ứng với quy mô giam giữ của một trại giam không quá 500 phạm nhân, trong trường hợp quy mô trại giam lớn hơn, số lượng cán bộ y tế phải nhiều hơn.

Theo quy định của pháp luật quốc tế, ngay sau khi tiếp nhận phạm nhân, trại giam phải tổ chức kiểm tra sức khoẻ cho phạm nhân với mục đích phát hiện phạm nhân ốm đau, bệnh tật, để cách li phạm nhân bị nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm hay để đánh giá về khả năng lao động của phạm nhân.

Đối với các phạm nhân cần điều trị đặc biệt, các phạm nhân bị bệnh tâm thần và tâm thần không bình thường, pháp luật quốc tế quy định họ phải được theo dõi và điều trị trong các cơ sở y tế chuyên biệt hoặc các bệnh viện dân sự. Việc điều trị và chăm sóc y tế cho phạm nhân phải được miễn phí.

Tuy không cấm việc biệt giam (giam kín) đối với những phạm nhân vi phạm kỉ luật, gây ảnh hưởng tới an ninh, an toàn trại giam song pháp luật quốc tế khuyến khích các quốc gia không nên áp dụng biện pháp này, nếu áp dụng thì phải có quy định về hành vi cấu thành vi phạm kỉ luật, hình thức và thời gian trừng phạt có thể áp dụng, cơ quan có thẩm quyền ấn định hình phạt. Trong việc xử lí phạm nhân vi phạm kỉ luật,

pháp luật quốc tế nghiêm cấm việc giam phạm nhân vào buồng tối. Đối với những phạm nhân bị biệt giam thì hằng ngày cán bộ y tế phải thăm các phạm nhân này và phải kiến nghị với giám đốc nhà tù chấm dứt hay thay đổi hình phạt nếu thấy sức khoẻ của phạm nhân xấu đi.

Về bảo đảm sức khoẻ cho phạm nhân trong quá trình lao động, pháp luật quốc tế yêu cầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn và sức khoẻ lao động cho phạm nhân tương ứng với các biện pháp bảo đảm an toàn và sức khoẻ cho người lao động tự do; phải có những quy định bảo đảm cho phạm nhân đề phòng tai nạn lao động, kể cả bệnh nghề nghiệp, với những điều khoản không kém thuận lợi hơn so với quy định pháp luật áp dụng đối với người lao động tự do (các điều 74, 75 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955).

*Bốn là các quy định về an ninh môi trường*

Các quy định về an ninh môi trường của phạm nhân bao gồm quy định về môi trường phòng giam và môi trường trại giam. Do có nhiều người cùng ở và sinh hoạt chung trong một không gian chật hẹp nên cần có những quy định cụ thể về việc giữ gìn môi trường như không được hút thuốc trong phòng giam, không vứt rác bừa bãi, có ý thức giữ gìn vệ sinh chung; việc phun thuốc phòng dịch cũng cần được tiến hành theo định kì, môi trường trại giam đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ và cảnh quan tự nhiên thân thiện.

Ngoài các quy định về an ninh môi trường đã được đề cập trong nội dung về an ninh sức khoẻ nêu trên, pháp luật quốc tế có

quy định chung là tất cả những bộ phận của nhà tù thường xuyên có phạm nhân, đặc biệt là môi trường phòng giam phải luôn thật sạch sẽ (Điều 14 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955).

*Năm là các quy định về an ninh cá nhân*

An ninh cá nhân của phạm nhân là đảm bảo sự an toàn về tính mạng, thân thể, sức khoẻ của phạm nhân trong mọi hoàn cảnh khỏi sự tuỳ tiện, lạm quyền của trại giam và cán bộ trại giam cũng như sự xâm hại hay đe dọa xâm hại bởi các phạm nhân khác trong trại giam.

Để bảo đảm an ninh cá nhân của phạm nhân, theo quy định của pháp luật quốc tế, các loại phạm nhân khác nhau phải được giam trong nhà tù hoặc các khu riêng biệt của nhà tù có tính đến độ tuổi, giới tính, lí lịch phạm tội, lí do pháp lí của việc giam giữ và những điều cần thiết trong đối xử với họ (Điều 8 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955). Mục đích của sự phân loại là nhằm tách riêng những phạm nhân mà căn cứ vào lí lịch phạm tội hoặc tính cách xấu của họ có thể gây ra ảnh hưởng xấu đối với phạm nhân khác. Do đó, trong phạm vi có thể được, phải có những nhà tù riêng hay khu vực riêng của nhà tù để đối xử với những nhóm phạm nhân khác nhau.

Nhận thức rõ môi trường trại giam dễ xảy ra các hành vi tra tấn đối với phạm nhân bởi các đối tượng khác nhau, pháp luật quốc tế nghiêm cấm những hành vi tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo đối với phạm nhân. Cụ thể là tại Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả

những người bị giam hay bị cầm tù dưới bất kì hình thức nào năm 1988 (sau đây gọi tắt là Tập hợp các nguyên tắc năm 1988), pháp luật quốc tế quy định, không người nào bị giam hoặc bị cầm tù dưới bất kì hình thức nào bị tra tấn hay bị đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm, không được viện dẫn bất kì hoàn cảnh nào để biện minh cho việc tra tấn hay đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm (Nguyên tắc 6). Trách nhiệm của các quốc gia thành viên là phải nghiêm cấm bằng pháp luật bất kì hành vi nào mang tính tra tấn hay đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm (khoản 1 Nguyên tắc 7).

Cũng nhằm mục đích bảo vệ tính mạng, thân thể, sức khoẻ của phạm nhân, pháp luật quốc tế quy định không được dùng những dụng cụ giam giữ như cũi, xiềng, xích hay cùm tay, cùm chân để trừng phạt, không được sử dụng cùm hay xích để giam giữ, ngoại trừ một số trường hợp như để phòng phạm nhân trốn khi di chuyển; vì lý do y tế; phòng tránh phạm nhân tự gây thương tích cho bản thân hay cho người khác hoặc phá huỷ tài sản khi các biện pháp kiểm soát khác thất bại và phải có lệnh của giám đốc trại giam.

Đáng chú ý, để bảo vệ phạm nhân trước việc có thể bị tra tấn hoặc các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo trong quá trình chấp hành án phạt tù tại trại giam, pháp luật quốc tế có quy định cho phép phạm nhân được gặp luật sư của mình và luật sư có quyền yêu cầu hoặc khiếu nại về việc tra tấn hoặc các hình thức trừng phạt

hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo đối với phạm nhân (Nguyên tắc 33 Tập hợp các nguyên tắc năm 1988). Pháp luật quốc tế cũng nghiêm cấm việc sử dụng phạm nhân để làm các thí nghiệm y tế hay khoa học có thể gây hại cho sức khoẻ của phạm nhân, dù cho người đó đồng ý (Nguyên tắc 22 Tập hợp các nguyên tắc năm 1988).

*Sáu là các quy định về an ninh cộng đồng*

An ninh cá nhân có mối liên quan mật thiết với an ninh cộng đồng, do đó, trong trại giam phải xây dựng được một môi trường nhân văn và các quan hệ xã hội lành mạnh, thân thiện, chia sẻ, cảm thông, góp phần hướng thiện cho phạm nhân.

Pháp luật quốc tế đặt ra yêu cầu phải xây dựng mối quan hệ lành mạnh trong trại giam. Để đạt được điều này, pháp luật quốc tế yêu cầu trong việc giam giữ phạm nhân phải lựa chọn cẩn thận để phù hợp cho việc kết giao giữa họ với nhau. Pháp luật quốc tế cấm việc sử dụng phạm nhân để phục vụ nhà tù dưới mọi hình thức. Tuy nhiên, quy định này không loại trừ việc tổ chức cho phạm nhân thực hiện các hoạt động mang tính tự quản, tự phục vụ, các hoạt động giáo dục, xã hội dưới sự giám sát của cán bộ trại giam. Điều này nhằm góp phần phát triển ý thức trách nhiệm cá nhân của mỗi phạm nhân cũng như tạo sự gắn bó hơn giữa các phạm nhân với nhau.

Tuy không sử dụng khái niệm “thi đua” song pháp luật quốc tế đã có những quy định mang tính khuyến khích phạm nhân chấp hành tốt nội quy trại giam, tích cực tham gia các hoạt động của trại giam, chẳng hạn như quy định tại Điều 70 Các quy tắc tiêu chuẩn

tối thiểu năm 1955: Phải xây dựng ở mọi nhà tù hệ thống ưu đãi thích hợp dành cho những nhóm phạm nhân khác nhau và các biện pháp đối xử khác nhau nhằm khuyến khích hạnh kiểm tốt, phát triển ý thức trách nhiệm và đảm bảo quyền lợi và sự hợp tác của phạm nhân trong việc đối xử với họ.

Pháp luật quốc tế cũng chú trọng việc thiết lập các mối quan hệ giữa phạm nhân với gia đình và cộng đồng xã hội. Theo quy định của pháp luật quốc tế, phạm nhân phải được phép tiếp xúc với gia đình, thậm chí là với bạn bè tốt của họ vào những thời gian thường lệ, cả bằng thư từ lẫn thăm viếng (Điều 37 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955), phạm nhân phải được tạo ra cơ hội đầy đủ để liên lạc với thế giới bên ngoài nhưng vẫn phải tuân thủ những điều kiện và hạn chế hợp lý do pháp luật hay các quy chế hợp pháp quy định. Đặc biệt, để tạo điều kiện cho phạm nhân trong việc được gặp thân nhân của mình, pháp luật quốc tế quy định nếu phạm nhân có yêu cầu, nếu có thể, người đó sẽ được giam ở nơi có khoảng cách hợp lý với nơi người đó thường trú (Nguyên tắc 20 Tập hợp các nguyên tắc năm 1988).

Không chỉ thiết lập mối quan hệ giữa phạm nhân với gia đình phạm nhân, theo quy định của pháp luật quốc tế, ngay từ khi phạm nhân bắt đầu chấp hành án, trại giam phải quan tâm tới tương lai sau khi họ được thả. Phạm nhân được khuyến khích và giúp đỡ để duy trì và thiết lập những quan hệ như vậy với những người và tổ chức ngoài nhà tù nếu điều đó thúc đẩy lợi ích tốt nhất của gia đình họ và sự tái hoà nhập xã hội của riêng họ

(Điều 80 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955). Quy định này thể hiện rõ tính nhân văn và nếu được thực hiện tốt sẽ có tác dụng tích cực đối với việc giáo dục cải tạo phạm nhân.

Nhận thức rõ giáo dục không chỉ có ý nghĩa đối với an ninh kinh tế mà còn có vai trò quan trọng đối với an ninh cộng đồng của phạm nhân, pháp luật quốc tế quy định mọi phạm nhân phải có quyền tham gia hoạt động văn hoá, giáo dục nhằm phát triển đầy đủ nhân cách. Các quốc gia phải có quy định về việc ưu tiên giáo dục cho tất cả phạm nhân có khả năng hưởng lợi ích từ giáo dục; giáo dục cho người mù chữ và phạm nhân trẻ là bắt buộc và nếu có thể được, giáo dục cho phạm nhân phải được kết hợp với hệ thống giáo dục của quốc gia đó, sao cho sau khi mãn hạn tù, họ có thể tiếp tục việc học tập mà không gặp khó khăn. Đồng thời, phạm nhân phải thường xuyên được biết những tin tức quan trọng thông qua việc đọc báo, tạp chí định kì hay những ấn phẩm đặc biệt của nhà tù, thông qua nghe đài, diễn thuyết hay bất kì biện pháp tương tự nào do ban quản lí nhà tù cho phép và kiểm soát. Mọi nhà tù phải có thư viện để cho mọi phạm nhân sử dụng, có đủ sách giải trí, sách hướng dẫn và phạm nhân phải được khuyến khích tận dụng thư viện. Ngoài ra, các hoạt động giải trí và văn hoá phải có ở mọi nhà tù để phục vụ cho sức khoẻ thể chất và tâm thần của phạm nhân.

Đặc biệt, pháp luật quốc tế nhấn mạnh việc phải đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của phạm nhân, nhà tù phải tạo điều

kiện cho phạm nhân được bày tỏ niềm tin hay thực hiện các hành vi thể hiện tín ngưỡng, tôn giáo của mình như: Cần phải tôn trọng tín ngưỡng và giáo lý của phạm nhân (khoản b Điều 6 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955); Trong chừng mực có thể thực hiện được, mọi phạm nhân phải được thoả mãn những nhu cầu đời sống tín ngưỡng bằng việc tham gia các buổi lễ tổ chức trong nhà tù, được sở hữu sách kinh của tôn giáo và giáo phái của người đó (Điều 42 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955)... Thậm chí, theo quy định của pháp luật quốc tế, đối với những nhà tù có đông phạm nhân theo một tôn giáo hay tín ngưỡng nào đó, cần cử ra một người đại diện để phục vụ các nhu cầu về tín ngưỡng, tôn giáo cho cộng đồng phạm nhân này (Điều 41 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955). Như vậy, không chỉ nhấn mạnh việc phải đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của phạm nhân mà pháp luật quốc tế đã thấy được mặt tích cực của tôn giáo trong việc hướng thiện cho phạm nhân.

Với sự khẳng định rằng phạm nhân không bị loại trừ khỏi cộng đồng mà vẫn tiếp tục là một bộ phận của cộng đồng, pháp luật quốc tế cho rằng các tổ chức cộng đồng cần phối hợp giúp đỡ đội ngũ nhân viên nhà tù làm nhiệm vụ tái hoà nhập xã hội cho phạm nhân và cần cải thiện các mối quan hệ cần thiết của phạm nhân với gia đình họ và với các tổ chức xã hội quan trọng (Điều 61 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955). Pháp luật quốc tế khuyến khích các tổ chức thuộc chính phủ hay ngoài chính phủ có sự tiếp cận cần thiết với nhà tù và phạm nhân và có phối

hợp chặt chẽ để bảo đảm những nỗ lực của họ đạt được hiệu quả cao nhất.

*Bây là các quy định về an ninh chính trị*

Nói đến an ninh chính trị của phạm nhân là nói đến yếu tố dân chủ trong trại giam, trong đó không có sự lạm quyền, hách dịch, những nhiễu của trại giam và cán bộ trại giam đối với phạm nhân; phạm nhân có điều kiện để bày tỏ nguyện vọng và thể hiện chính kiến về các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình cũng như việc thực hiện các quy định của pháp luật về an ninh con người của phạm nhân phải được giám sát chặt chẽ, phòng ngừa vi phạm.

Theo quy định của pháp luật quốc tế, phạm nhân phải được quyền trao đổi thông tin một cách tự do và hoàn toàn riêng tư với những người đến thăm mình theo những điều kiện hợp lý để đảm bảo an ninh và trật tự nơi giam giữ (khoản 2 Nguyên tắc 29 Tập hợp các nguyên tắc năm 1988). Mọi phạm nhân khi vào tù phải được cung cấp thông tin dưới dạng văn bản quy định về đối xử với phạm nhân, yêu cầu về kỉ luật của nhà tù, các biện pháp được phép để có thông tin, để khiếu nại cũng như vấn đề cần thiết khác để phạm nhân có thể hiểu quyền hạn và nghĩa vụ của mình, nhằm điều chỉnh bản thân cho phù hợp với đời sống trong tù. Nếu phạm nhân không biết chữ, những thông tin nói trên phải được truyền đạt bằng miệng tới người đó.

Được thực hiện việc khiếu nại, tố cáo là điều cần thiết đối với phạm nhân. Về vấn đề này pháp luật quốc tế quy định vào ngày làm việc trong tuần, mọi phạm nhân phải có cơ hội đề nghị hay khiếu nại với giám đốc nhà

tù hoặc người được ủy quyền đại diện cho giám đốc nhà tù. Phạm nhân có thể đề nghị hay khiếu nại tới thanh tra viên nhà tù trong thời gian thanh tra. Phạm nhân phải có cơ hội nói chuyện với thanh tra viên hay các viên chức thanh tra khác mà không có mặt giám đốc hay cán bộ, nhân viên khác của nhà tù. Mọi phạm nhân phải được phép đề nghị hay khiếu nại với ban quản lý trung ương của nhà tù, cơ quan xét xử hay các nhà chức trách thích hợp khác mà không bị kiểm duyệt nội dung nhưng phải theo mẫu phù hợp qua những kênh đã được chấp thuận (Điều 36 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955).

Ngoài ra, phạm nhân hoặc luật sư của người đó phải có quyền yêu cầu hoặc khiếu nại về sự đối xử đối với mình tới các nhà chức trách chịu trách nhiệm quản lý nơi giam giữ và tới những nhà chức trách cấp cao hơn và khi cần, tới các nhà chức trách thích hợp được giao quyền xem xét hay giải quyết.

Pháp luật quốc tế đặt ra yêu cầu nhà tù phải được thanh tra thường xuyên bởi những thanh tra viên có trình độ và kinh nghiệm do cơ quan có thẩm quyền chỉ định nhằm đảm bảo rằng những cơ sở đó được quản lý theo các quy định pháp luật hiện hành, phát huy tác dụng, mục đích của hình phạt và cải tạo (Điều 55 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955).

Mặc dù còn một số vấn đề chưa được quy định và một số quy định khó khả thi đối với một số quốc gia, nhất là những nước nghèo, chậm phát triển và nhiều nội dung chỉ mang tính chất khuyến nghị song pháp luật quốc tế đã quy định khá toàn diện các nội

dung về an ninh con người của phạm nhân, các quy định này có tính đồng bộ và tập trung cao, đặc biệt đã tuân thủ nghiêm túc các quy định có tính nguyên tắc được đề cập trong Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966 của LHQ. Đây là những tiêu chí cơ bản để mỗi quốc gia khi tham gia các công ước quốc tế có liên quan tới quyền con người và an ninh con người nói chung, quyền con người và an ninh con người của phạm nhân nói riêng đều phải có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nội dung mà mình đã cam kết, bảo đảm tốt nhất an ninh con người của phạm nhân.

### **3. Quy định pháp luật Việt Nam về an ninh con người của phạm nhân**

So sánh các quy định về an ninh con người của phạm nhân được ghi nhận trong Luật THAHS năm 2010 và các văn bản pháp luật có liên quan với các quy định pháp luật quốc tế cho thấy, hầu hết quy định của pháp luật quốc tế về an ninh con người của phạm nhân đã được “nội luật hoá” trong pháp luật Việt Nam. Đặc biệt, Luật THAHS năm 2019 chứa đựng nhiều nội dung mới mang tính tiến bộ, nhân văn trong việc đối xử với phạm nhân như: Quy định nghiêm cấm các hành vi tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục người chấp hành án (khoản 9 Điều 10); quyền và nghĩa vụ của phạm nhân (Điều 27); có thể giam giữ riêng phạm nhân là người đồng tính, người chuyển đổi giới tính, người

chưa xác định rõ giới tính (khoản 3 Điều 30); phạm nhân trực tiếp tham gia lao động sản xuất được trả một phần công lao động (điểm đ khoản 1 Điều 34)... Tuy nhiên, so với các quy định của pháp luật quốc tế, pháp luật Việt Nam về an ninh con người của phạm nhân cần phải tiếp tục được hoàn thiện ở một số nội dung chủ yếu sau đây:

*Một là* theo Điều 34 Luật THAHS năm 2019, phạm nhân được sử dụng theo quy định số tiền thưởng và số tiền được trả công khi tham gia lao động sản xuất hoặc gửi trại giam quản lý và được nhận lại khi chấp hành xong án phạt tù. Tuy nhiên, Luật THAHS năm 2019 lại chỉ quy định phạm nhân được sử dụng số tiền thưởng và số tiền được trả công khi tham gia lao động sản xuất tại trại giam vào việc mua lương thực, thực phẩm và các hàng hoá khác để phục vụ đời sống, sinh hoạt tại nơi chấp hành án mà không được gửi số tiền đó cho thân nhân của mình. Theo Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955, phạm nhân phải được phép sử dụng ít nhất một phần thu nhập của họ để mua những đồ đạc được chấp thuận để sử dụng riêng và gửi một phần thu nhập của họ cho gia đình (khoản b Điều 76). Theo Điều 8 Những nguyên tắc cơ bản năm 1990, nhà tù phải tạo điều kiện để phạm nhân có thể thực hiện các công việc hữu ích và có thu nhập, nhằm giúp họ dễ dàng tái hoà nhập thị trường lao động, đồng thời cho phép họ góp phần hỗ trợ tài chính cho bản thân và gia đình. Như vậy, quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật THAHS năm 2019 về sử dụng kết quả lao động của phạm nhân là chưa tương thích với pháp luật quốc tế.

*Hai là* pháp luật quốc tế đặt ra tiêu chuẩn cá nhân hoá chỗ ngủ của phạm nhân, điều này là khó thực hiện đối với các quốc gia có nền kinh tế chưa phát triển, trong đó có Việt Nam. Tuy vậy, cũng cần quan tâm nghiên cứu ban hành các quy định phù hợp hơn về diện tích chỗ nằm đối với phạm nhân (quy định hiện tại về chỗ nằm tối thiểu của mỗi phạm nhân là 2m<sup>2</sup> nhưng trong thực tế con số này là thấp hơn) cũng như tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cải tạo, nâng cấp trại giam bảo đảm an ninh con người của phạm nhân được tốt hơn. Pháp luật quốc tế cũng đặt ra yêu cầu về việc tạo điều kiện cho phạm nhân được giữ vệ sinh sạch sẽ (Điều 16 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955)... Quy định về việc cấp các vật dụng cần thiết phục vụ nhu cầu vệ sinh cá nhân của phạm nhân trong Luật THAHS năm 2019 là chưa tương thích với các quy định của pháp luật quốc tế.

*Ba là* pháp luật quốc tế quy định, không người bị giam hay bị cầm tù nào phải chịu bất kỳ một cuộc thí nghiệm y tế hay khoa học nào có thể gây nguy hại cho sức khỏe của mình, dù cho người đó đồng ý (Nguyên tắc 22 Tập hợp các nguyên tắc năm 1988). Đây là một điều cần thiết nhằm phòng ngừa những hành vi xâm hại an ninh cá nhân của phạm nhân. Nhưng nội dung này còn khuyết thiếu trong Luật THAHS năm 2019.

*Bốn là* theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành thì phạm nhân chỉ được sử dụng kinh sách và bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo mà không được thực hiện các nghi lễ tôn giáo (khoản 5 Điều 6 Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016). Pháp luật quốc

tế quy định trong chừng mực có thể thực hiện được, mọi phạm nhân phải được thoả mãn những nhu cầu đời sống tín ngưỡng bằng việc tham gia các buổi lễ tôn giáo trong nhà tù, được sở hữu sách kinh của tôn giáo và giáo phái của người đó (Điều 42 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955). Như vậy, quy định về việc thực hiện các nghi lễ tôn giáo của phạm nhân của Việt Nam cũng chưa tương thích với pháp luật quốc tế.

*Năm là* theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành thì mọi đơn, thư của phạm nhân trước khi được gửi đi đều phải được kiểm duyệt bởi giám thị trại giam. Tuy nhiên, trong trường hợp phạm nhân có đơn tố cáo chính giám thị trại giam, liệu đơn tố cáo đó có được kịp thời gửi đến cơ quan, người có thẩm quyền để giải quyết hay không? Theo quy định của pháp luật quốc tế, phạm nhân cần được gửi đơn bí mật mà không bị kiểm duyệt về nội dung (Điều 36 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955). Như vậy, quy định về hình thức khiếu nại, tố cáo của phạm nhân trong Luật THAHS năm 2019 là chưa bảo đảm tính khoa học và chưa tương thích với pháp luật quốc tế.

*Sáu là* pháp luật Việt Nam hiện không có quy định về việc không giam phạm nhân nữ có thai hoặc đang cho con bú hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi tại buồng kỉ luật. Trong khi đó, pháp luật quốc tế quy định không áp dụng hình thức phạt biệt giam (giam trong buồng kín) hoặc kỉ luật bằng cách cách li đối với phạm nhân nữ mang thai, có con nhỏ và đang cho con bú (Quy tắc số 22 Những quy tắc của LHQ trong việc

đối xử đối với tù nhân nữ và các biện pháp không giam giữ đối với nữ tội phạm năm 2010). Đồng thời, tại Điều 43 Luật THAHS năm 2019 về xử lí phạm nhân vi phạm quy định, trong thời gian bị giam tại buồng kỉ luật, phạm nhân không được gặp thân nhân. Điều này là không loại trừ đối với phạm nhân nữ đang có gia đình và có con nhỏ ở với thân nhân. Về vấn đề này, pháp luật quốc tế quy định các hình thức xử phạt kỉ luật đối với phạm nhân nữ không được bao gồm việc cấm liên lạc với gia đình, đặc biệt là với trẻ em (Quy tắc số 23 Những quy tắc của LHQ trong việc đối xử đối với tù nhân nữ và các biện pháp không giam giữ đối với nữ tội phạm năm 2010). Ngoài ra, nhằm phòng ngừa hiện tượng xâm phạm thân thể, lạm dụng tình dục đối với phạm nhân nữ, pháp luật quốc tế quy định phạm nhân nữ chỉ do cán bộ nữ quản lý (tiết c, Quy tắc 53 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu năm 1955). Luật THAHS năm 2019 cũng chưa quy định về vấn đề này./.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. United Nations Development Program: *Human Development Report 1994*, [https://www.un-ilibrary.org/economic-and-social-development/human-development-report-1994\\_87e94501-en](https://www.un-ilibrary.org/economic-and-social-development/human-development-report-1994_87e94501-en)
2. Andrew Coyle, *Nhân quyền trong công tác quản lí trại giam*, Học viện cảnh sát nhân dân dịch và hiệu đính, 2007.
3. Học viện cảnh sát nhân dân, *Giáo trình môn học quản lí nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội*, Hà Nội, 2010.